

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/DS-ST
Ngày: 12-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án thụ lý số: 209/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1978;
Địa chỉ cư trú: Số A Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1970;
Địa chỉ cư trú: Số A Đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1967; là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2024);
Địa chỉ cư trú: Số C ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà P có mặt, ông P1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Do quen biết nhau nên bà P có cho bà Trần Thị Kim O vay tiền nhiều lần tổng cộng là 245.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để làm ăn. Việc vay tiền được lập thành văn bản “Giấy mượn tiền” đề ngày 05 tháng 3 năm 2024 có chữ ký xác nhận của bà O. Hai bên không có thỏa thuận thời hạn cho vay trong văn bản nhưng có thỏa thuận bên ngoài khi nào bà P cần dùng đến thì bà O sẽ trả lại số tiền này. Bà O đồng ý với thỏa thuận này nên đã viết giấy nợ đưa cho bà P giữ. Khi bà P có việc cần dùng đến số tiền đã cho bà O vay và liên hệ yêu cầu bà O

trả lại tiền đã vay thì bà O hẹn lần hẹn lượt không chịu trả tiền; sau đó bà O né tránh, bà P gọi điện thoại bà O không bắt máy, bà P đến nhà tìm nhưng bà O cũng không gặp mặt. Ngày 14 tháng 5 năm 2024, bà P gửi thông báo đòi nợ qua đường bưu điện yêu cầu bà O trả số tiền 245.000.000 đồng chậm nhất vào ngày 24 tháng 5 năm 2024 nhưng bà O vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và còn thách thức bà P khởi kiện.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà O có nghĩa vụ trả một lần cho bà P số tiền vay là 245.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Kim O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng và có văn bản uỷ quyền cho ông Nguyễn Thanh P1 đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng cả bà O và ông P1 đều vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bà O trả số tiền nợ vay 245.000.000 đồng cho bà P trong một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn xác định chữ viết và chữ ký tên trong tờ “Giấy mượn tiền” ngày 05 tháng 3 năm 2024 là của bà O viết và ký tên đưa cho bà P giữ làm tin. Số tiền 27.000.000 đồng tiền hui bà O còn nợ bà P không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp của Tòa án là đúng quy định; vụ án có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, tài liệu chứng cứ đầy đủ, đương sự có địa chỉ cư trú rõ ràng đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết. Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đại diện bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị đơn là đúng quy định tại Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy bà Trần Thị Kim O có vay của bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 245.000.000 đồng và có lập thành văn bản “Giấy mượn tiền” đề ngày 05/3/2024 với nội dung thể hiện bà O có vay của bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 272.000.000 đồng “Hai trăm bảy mươi hai triệu chẵn, trong đó cũ 245.000.000+27triệu hui”. Việc vay tiền được nguyên đơn xác định là không thời hạn và không lãi suất. Trước khi khởi kiện đến Tòa án, bà P đã gửi văn bản thông báo yêu cầu bà O thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà O không phản hồi và né tránh. Căn cứ Điều 469 Bộ luật Dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu bà O trả số nợ đã vay 245.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Bích P khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị Kim O có địa chỉ cư trú tại Phường C, thành phố T, tỉnh Long An về yêu cầu trả số nợ đã vay còn thiếu là 245.000.000 đồng. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn: Sau khi xem xét đơn khởi kiện, xét thấy vụ án có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã

thừa nhận nghĩa vụ, tài liệu chứng cứ đầy đủ, các đương sự đều có địa chỉ cư trú rõ ràng và không có đương sự ở nước ngoài, đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án theo Điều 316, 317 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P thấy rằng: Bà P khởi kiện bà O yêu cầu trả số nợ đã vay là 245.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc tờ “Giấy mượn tiền” ngày 05 tháng 3 năm 2024 do bà O tự viết và ký tên sau đó đưa bà P giữ. Nội dung của “Giấy mượn tiền” thể hiện bà O có vay của bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 272.000.000 đồng “Hai trăm bảy mươi hai triệu chẵn, trong đó cũ 245.000.000+27triệu hụi”. Bà P xác định chỉ yêu cầu bà O trả số tiền vay 245.000.000 đồng, chưa yêu cầu bà O trả số tiền nợ hụi 27.000.000 đồng nên Toà án không xem xét giải quyết số tiền 27.000.000 đồng. Trong “Giấy mượn tiền” không thể hiện việc thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất khi vay, nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả lãi. Bà P đã gửi thông báo đòi nợ yêu cầu bà O trả nợ trong một thời hạn hợp lý nhưng bà O né tránh không thực hiện nghĩa vụ nên bà P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa bà P và bà O đã có xác lập giao dịch vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi theo Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, mặc dù bà P đã nhiều lần yêu cầu bà O trả nợ vay và đã gửi thông báo bằng văn bản nhưng bà O vẫn cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của bà P. Điều này cho thấy bà O đã vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự về thực hiện nghĩa vụ dân sự một cách thiện chí, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P được pháp luật bảo vệ.

[5] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà O và người đại diện theo uỷ quyền của bà O vắng mặt không lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy bà O đã biết được việc khởi kiện của bà P nhưng vẫn không có thiện chí thỏa thuận việc trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và mặc nhiên thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[6] Về việc không yêu cầu tính lãi: Khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu tính lãi chậm trả nhưng nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc mà không yêu cầu bị đơn trả lãi là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được Tòa án chấp nhận.

[7] Như vậy, từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định bà O có vay và còn nợ của bà P số tiền là 245.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 05 tháng 3 năm 2024. Yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ theo quy định tại các điều: 274, 463, 469 Bộ luật Dân sự nên được Toà án chấp nhận, buộc bà O phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền vay còn thiếu là 245.000.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà O phải chịu 6.125.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 thán 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 35, 39, 147, 316, 317, 320 và 322 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 280, 469, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị Kim O phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền 245.000.000 (hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 05 tháng 3 năm 2024.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Kim O phải chịu 6.125.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Bà Nguyễn Thị Bích P không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà P số tiền tạm ứng án phí là 6.125.000 đồng theo biên lai thu số 0001753 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp Tân An;
- Chi cục THADS tp Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Toàn Vẹn